**PHƯƠNG** **PHÁP** **DẠY** **HỌC** **TIẾNG** **VIỆT** **Ở** **TIỂU** **HỌC**

**Dùng** **cho** **hệ** **đào** **tạo** **VLVH** **ngành** **Giáo** **dục** **tiểu** **họ** **)**

**Giảng** **viê** **:** **TS.** **Chu** **Th** **Hà** **Thanh** Đơn v: Khoa Giáo dục

Điện thoạ , email: [chuhathanhdhv@gmail.com](mailto:chuhathanhdhv@gmail.com)

**Nghệ** **An,** **tháng** **4** **năm** **2020**

NỘI DUNG

**Giới** **thiệu** **nội** **dung**

**PHẦN** **1:** **LÍ** **LUẬN** **VỀ** **PPDH** **TIẾNG** **VIỆT**

1. Những vấn đề chung về phương pháp dạy học Tiếng Việt

2. Môn Tiếng Việt ở trường tiểu học

3. Nguyên tắc, phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu

học

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**I.** **Những** **vấn** **đề** **chung** **về** **PPDH** **TV** **ở** **TH** 1. Một số khái niệm

2. Đối tượng, nhiệm vụ

3. Cơ sở khoa học của PPDHTV **II.** **Môn** **TV** **ở** **trường** **TH**

1. Vai trò môn TV ở trường TH 2. Mục tiêu môn TV ở trường TH

3. Các cơ sở xây dựng CT TV TH và nguyên tắc biên soạn SGK TV ở TH

4. Chương trình – SGK môn TV ở trường TH

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**III**. **Nguyên** **tắc,** **phương** **pháp** **dạy** **học** **môn** **Tiếng** **Việt** **ở** **trường**

**tiểu** **học**

**1.** ***Nguyên*** ***tắc*** ***dạy*** ***học*** ***Tiếng*** ***Việt***

*1.1.* *Nguyên* *tắc* *rèn* *luyện* *ngôn* *ngữ* *gắn* *liền* *với* *rèn* *luyện* *tư* *duy*

*1.2.* *Nguyên* *tắc* *giao* *tiếp*

1.3 *Nguyên* *tắc* *chú* *ý* *đến* *trình* *độ* *tiếng* *Việt* *vốn* *có* *của* *HS*

***2.*** ***Phương*** ***pháp*** ***DH*** ***Tiếng*** ***Việt***

*2.1.* *PP* *Phân* *tích* *ngôn* *ngữ*

*2.2.* *PP* *Thực* *hành* *giao* *tiếp*

*2.3.* *PP* *Rèn* *luyện* *theo* *mẫu*

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**PHẦN** **2:**

**PPDH** **TIẾNG** **VIỆT** **CỤ** **THỂ** 1. PPDH Học vần

2. PPDH Tập viết 3. PPDH Chính tả 4. PPDH Tập đọc

5. PPDH Luyện từ & câu 6. PPDH Tập làm văn

7. PPDH Kể chuyện

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**1.** **NHỮND** **VẤN** **ĐỀ** **C** **HUNG** **VỀ** **PPDH** **TIẾND** **VIỆT** **Ở** **TH** **1.1.** **Định** **nghĩa**:

PPDH Tiếng Việt là một bộ phận của Khoa học Giáo dục (Sư phạm

học), là một hệ thống lí thuyết và kỹ năng cơ bản để tổ chức quá

trình dạy học tiếng Việt với tư cách là tiếng mẹ đẻ và với tư cách là

ngôn ngữ thứ hai.

? Đối tượng của PPDH TV là gì ?

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

1.2. **Đối** **tượng,** **nhiệm** **vụ** **của** **PPDHTVở** **tiểu** **học** 1.2.1. **Đối** **tượng**

PPDHTV ở TH nghiên cứu quá trình dạy học Tiếng Việt, gồm 3 yếu tố:

a) ***Môn*** ***học***: Cái làm nên nội dung dạy học. Nội dung dạy học TV ở tiểu học bao gồm tri thức TV-VH và kỹ năng sản sinh, tiếp nhận lời nói (nghe, đọc, nói, viết). b)***Hoạt*** ***động*** ***dạy***: Thầy giáo là người tổ chức, điều khiển hoạt động học cho HS, để giúp HS từng bước chiếm lĩnh nội dung tri thức, kỹ năng TV. Bộ môn LLDHTVcần phải nghiên cứu hoạt động của thầy để chỉ ra cách thức hoạt động của thầy như thế nào.

c) ***Hoạt*** ***động*** ***học***: HS là đối tượng của hoạt động dạy. Dưới sự chỉ đạo của thầy HS tích cực, chủ động chiếm lĩnh nội dung tri thức, kỹ năng TV.

BT: Trong 3 nhân tố Thầy, Trò, Sách nhân tố nào đóng vai trò quan trọng nhất ? Vì sao?

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG **1.2.2.N** **hiệm** **vụ** **(Đọc** **Giáotrình)**

a) *Xây* *dựng* *cơ* *sở* *phương* *pháp* *luận* *cho* *quá* *trình* *DHTV* *ở* *tiểu* *học*

*b*) *Xây* *dựng* *lý* *thuyết* *về* *môn* *TV* *ở* *nhà* *trường* *tiểu* *học*

c) *Xây* *dựng* *lý* *thuyết* *về* *PPDH* *môn* *TV* *ở* *nhà* *trường* *tiểu* *học* 1.3*.* **Cơ** **sở** **khoa** **học** **của** **PPDHTV** **ở** **tiểu** **học**

1.3.1.**Cơ** **sở** **triết** **học**

a) *Quan* *điểm* *của* *Triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *chức* *năng* *giao* *tiếp* *của* *ngôn* *ngữ*

b) *Quan* *điểm* *của* *Triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *chức* *năng* *tư* *duy* *của* *ngôn* *ngữ* c) *Quan* *điểm* *của* *triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *vấn* *đề* *nhận* *thứ****c***

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

*a)* *Quan* *điểm* *của* *Triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *chức* *năng* *giao* *tiếp* *của* *ngôn* *ngữ*

*“Ngôn* *ngữ* *là* *phương* *tiện* *giao* *tiếp* *quan* *trọng* *nhất* *của* *loài* *người”*

- Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ

- Ưu thế của giao tiếp bằng ngôn ngữ - Tính chất XH của ngôn ngữ

**DH** **Tiếng** **Việt**:

-Mục tiêu, nội dung, ppdh tiếng Việt: Giao tiếp -Nguyên tắc, PPDH tiếng Việt

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

b) *Quan* *điểm* *của* *Triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *chức* *năng* *tư* *duy* *của* *ngôn* *ngữ*

“Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư duy” - Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy

Ngôn ngữ phản ánh tư duy, tư duy được biểu hiện qua ngôn ngữ

- Mối quan hệ biện chứng:

Ngôn ngữ Tư duy

**DHTV:** Nguyên tắc rèn luyện ngôn ngữ kết hợp với rèn luyện tư duy

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

c) *Quan* *điểm* *của* *triết* *học* *Mác* *–Lênin* *về* *vấn* *đề* *nhận* *thứ****c***

“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn”

- 3 giai đoạn của quá trình nhận thức - Nhấn mạnh vai trò của trực quan

- Đề cao vai trò của thực tiễn

**DHTV:**

Cấu tạo 3 phần của kiểu bài Hình thành kiến thức

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**1.3.2.** **Cơ** **sở** **ngôn** **ngữ** **học**

Ngôn ngữ học nói chung, Việt ngữ học nói riêng có mối quan hệ **trực** **triếp** với LLDHTV ở tiểu học. Ngôn ngữ qui định nội dung kiến thức môn Tiếng Việt, và cấu trúc chương trình môn Tiếng Việt ở nhà trường.

**1.3.3.** **Cơ** **sở** **Giáo** **dục** **học**

**1.3.4.** **Cơ** **sở** **Tâm** **lí** **và** **Tâm** **lí** **ngữ** **học** **1.3.5.** **Cơ** **sở** **Văn** **học** **và** **Lí** **luận** **văn** **học**

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**2.** **MÔN** **TIẾNG** **VIỆT** **Ở** **TRƯỜNG** **TIỂU** **HỌC** **2.1.** **Vai** **trò** **môn** **Tiếng** **Việt** **ở** **trường** **tiểu** **học**

Tiếng Việt được xem là môn học **trung** **tâm** ở trường tiểu học. - Vai trò của TV trong giao tiếp và tư duy

- Tiếng Việt vừa là nội dung dạy học, vừa là công cụ dạy học

- Thời lượng môn TV trong CT tiểu học (43/107 = 40% trong 1 tuần). Trong Chương trình GDPT mới, ở cấp tiểu học, thời lượng dành cho môn Tiếng Việt là 1.505 tiết (trung bình 43 tiết/tuần), chiếm 31% tổng thời lượng chương trình dành cho các môn học bắt buộc; bằng thời lượng học trong chương trình hiện hành.

**2.2.** **Mục** **tiêu** **của** **môn** **Tiếng** **Việt** **trong** **nhà** **trường** - Xác định các thành phần của MT môn TV

- Nhận xét về MQH các thành phần của MT

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

“Môn TV ở nhà trường TH nhằm:

1. Hình thành và phát triển ở HS các kỹ năng sử dụng TV (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Thông qua việc dạy và học tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy.

2. Cung cấp cho HS những kiến thức sơ giản về tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, văn hóa, văn học của VN và nước ngoài.

3. Bồi dưỡng tình yêu TV và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của TV, góp phần hình thành nhân cách con người VN XHCN”

**Bài** **tập:** Phân tích mục tiêu môn Tiếng Việt của chương trình hiện hành và nêu nhận xét.

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**2.** **CHƯƠNG** **TRÌNH** **GDPT** **SAU** **2018**

a) Giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

b) Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật; có trí tưởng tượng, hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**2.3.** **Các** **cơ** **sở** **xây** **dựng** **CT** **TV** **TH** **và** **nguyên** **tắc** **biên** **soạn** **SGK** **TV** **ở** **TH** **2.3.1.** **Những** **căn** **cứ** **xây** **dựng** **CT** **TV**

a) Căn cứ vào mục tiêu đào tạo nói chung, mục tiêu môn TV nói riêng - Mục tiêu đào đạo quy định đầu ra của sản phẩm

- Mục tiêu môn học quyết định nội dung môn học b) Căn cứ vào các thành tựu khoa học có liên quan

c) Căn cứ vào điều kiện dạy học hiện nay trên cả nước **2.3.2.** **Những** **nguyên** **tắc** **xây** **dựng** **CT** **TV**

a) Nguyên tắc khoa học

- Môn TV ở trường TH phải cập nhập được những thành tựu mới nhất của Ngôn ngữ học hiện đại

- Môn TV ở trường TH phải phản ánh được những khuynh hướng mới nhất của Lí luận dạy học hiện đại

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

- Môn TV ở TH phải đảm bảo cấu trúc của KH tiếng Việt: đ/v nhỏ đến đ/v lớn

- Cấu trúc đồng tâm **b)** **Nguyên** **tắc** **sư** **phạm**

- Đảm bảo tính vừa sức trong nội dung dạy học c**)** **Nguyên** **tắc** **thực** **tiễn**

Phải căn cứ vào điều kiện thực tiễn của quá trình dạy học TV trong nhà trường

**2.3.3.** **Những** **nguyên** **tắc** **biên** **soạn** **SGK** **TV** **a)** **Nguyên** **tắc** **giao** **tiếp:**

- **Nội** **dung:** Thực hành nhiều lí thuyết ít. Rèn luyện các KN: N,N,Đ,V (7 P/môn)

- **PPDH**: Thực hành giao tiếp

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**b)** **Nguyên** **tắc** **tích** **hợp**

- Tích hợp ngang (tích hợp đồng quy) + Tích hợp kiến thức – kĩ năng

+ Tích hợp trong môn TV, tích hợp liên môn + Tích hợp văn TV- văn hóa- văn học.

Biểu hiện qua hệ thống chủ điểm

- Tích hợp dọc (tích hợp đồng tâm)

**c)** **Nguyên** **tắc** **tích** **cực** **hóa** **hoạt** **động** **học** **tập** **của** **HS**

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**GIỚI** **THIỆU** **CHƯƠNG** **TRÌNH** **MÔN** **NGỮ** **VĂN-**

**CT** **GDPT** **2018**

**1.** **Phát** **triển** **phẩm** **chất,** **năng** **lực** **người** **học**

- Phẩm chất: là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người.

- Phẩm chất = PC tâm lý (Đức) + PC trí tuệ (Tài).

- Đối sánh với “năng lực”, PC = Đức, còn “năng lực” = Tài.

- PC được đánh giá bằng hành vi; NL được đánh giá bằng hiệu quả hoạt động.

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

***1.1.*** ***Phẩm*** ***chất*** ***và*** ***CT*** ***GD*** ***phát*** ***triển*** ***phẩm*** ***chất***

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**1.** **Phát** **triển** **phẩm** **chất,** **năng** **lực** **người** **học** ***1.2.*** ***Năng*** ***lực*** ***và*** ***CTGD*** ***phát*** ***triển*** ***năng*** ***lực***

*a.* *Khái* *niệm* *và* *đặc* *điểm* *NL*

Làkhảnăngđápứngmộtcáchhiệuquảnhữngyêucầuphứchợptrongmột bốicảnhcụthể*(OECD).*

Làthuộctínhcánhânđượchìnhthành,pháttriểnnhờ*tốchấtsẵncó*và*quá* *trìnhhọctập,rènluyện*,chophépconngười*huyđộngtổnghợpcácKT,KN* và *các* *thuộc* *tính* *cá* *nhân* *khác* *như* *hứng* *thú,* *niềm* *tin,* *ý* *chí,...* *thực* *hiện* *thành* *công* một loại *hoạt* *động* *nhất* *định*, đạt *kết* *quả* *mong* *muốn* trong những*điềukiệncụthể*.*(CTGDPT2018).*

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

NỘI DUNG

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**PPDH** **TiếngViệt**

NỘI DUNG

**3.** **NGUYÊN** **TẮC,** **PHƯƠNG** **PHÁP** **DẠY** **HỌC** **TIẾNG** **VIỆT** **3.1.** **Nguyên** **tắc** **dạy** **học** **Tiếng** **Việt**

***3.1.1.*** ***Nguyên*** ***tắc*** ***rèn*** ***luyện*** ***ngôn*** ***ngữ*** ***gắn*** ***liền*** ***với*** ***rèn*** ***luyện*** ***tư*** ***duy*** *a*) *Cơ* *sở* *của* *nguyên* *tắc*

Xuất phát từ chức năng tư duy của ngôn ngữ

Trên thực tế, HS nào tư duy phát triển thì ngôn ngữ cũng phát triển và ngược lại.

b) *Nội* *dung* *nguyên* *tắc:* Yêu cầu dạy học Tiếng Việt phải:

+ Chú ý rèn luyện các thao tác và các phẩm chất tư duy của HS + Làm cho HS hiểu được tất cả ý nghĩa của ngôn ngữ

+ Giúp HS chuẩn bị đầy đủ và tạo mọi điều kiện để HS nắm được nội dung các vấn đề cần nói, viết

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

*3****.1.2.*** ***Nguyên*** ***tắc*** ***giao*** ***tiếp*** a) *Cơ* *sở* *xuất* *phát*

Xuất phát từ chức năng giao tiếp của ngôn ngữ b) *Nội* *dung* *nguyên* *tắc*

- CT, SGK phải thể hiện rõ quan điểm thực hành + Thực hành nhiều – Lí thuyết ít

+ Thông qua LTTH – Hình thành tri thức lí thuyết – Vận dụng vào thực hành

- Khi dạy bất kỳ đơn vị ngôn ngữ nào cũng phải đặt trong hoạt động hành chức (đặt trong đơn vị ngôn ngữ lớn hơn)

Dạy âm, vần phải đặt trong tiếng, trong từ; dạy từ phải đặt trong câu. Dạy câu phải đặt trong đoạn, trong tình huống giao tiếp

- Phải tổ chức hoạt động ngôn ngữ thường xuyên cho HS + Tạo tình huống giao tiếp cho HS

+ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sử dụng trò chơi học tập, thảo luận nhóm…hướng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, đọc, nói, viết.

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**3.1.3** **Nguyên** **tắc** **chú** **ý** **đến** **trình** **độ** **tiếng** **Việt** **vốn** **có** **của** **HS**

a) *Cơ* *sở* *xuất* *phát*

Xuất phát từ đặc trưng riêng của môn học: trước khi đến trường H đã có vốn ngôn

ngữ nhất định, nắm được một số cấu trúc ngữ pháp và phát triển về kỹ năng nghe,

nói.

b) *Nội* *dung* *nguyên* *tắc*

+ Giáo viên phải điều tra để nắm vững năng lực ngôn ngữ của HS từ đó xây dựng

nội dung, kế hoạch và phương pháp dạy học thích hợp.

+ Giáo viên phải hệ thống hóa được và phát huy được năng lực tích cực về sử dụng

ngôn ngữ của học sinh, hạn chế và dần đi đến thủ tiêu các mặt tiêu cực.

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**3.2** **Phương** **pháp** **dạy** **học** **Tiếng** **Việt** **3.2.1** **Phương** **pháp** **phân** **tích** **ngôn** **ngữ**

+ *Định* *nghĩa*: là phương pháp HS dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của GV vạch ra những hiện tượng ngôn ngữ nhất định, qui các hiện tượng đó vào một phạm trù và chỉ rõ đặc trưng của chúng.

*+* *Các* *thao* *tác* *thực* *hiện*

*Phân* *tích-phát* *hiện*: GV hướng dẫn cho HS phân tích, so sánh, đối chiếu trên ngữ liệu nhằm phát hiện ra các đặc điểm của hiện tượng ngôn ngữ, hình thành nên các dấu hiệu của khái niệm hay qui tắc.

*Phân* *tích* *–chứng* *minh*: Sau khi HS nắm khái niệm, GV đưa thêm một số ví dụ minh họa cho hiện tượng ngôn ngữ vừa học. Yêu cầu HS tái hiện định nghĩa, đối chiếu với ngữ liệu để chứng minh cho khái niệm vừa học.

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

*Phân* *tích* *–tổng* *hợp:* GV yêu cầu HS vận dụng khái niệm vừa học vào hoạt động giao tiếp (đặt câu, viết đoạn).

*Phân* *tích* *–* *đánh* *giá:* *GV* *hướng* *dẫn* *HV* *phân* *tích* *trên* *sản* *phẩm* *thực* *hành,* *đưa* *ra* *nhận* *định,* *đánh* *giá* *để* *kết* *luận.*

**3.2** **Phương** **pháp** **rèn** **luyện** **theo** **mẫu**

*+Định* *nghĩa*: là hoạt động có ý thức, thầy giáo chọn và giới thiệu các mẫu hoạt động lời nói, phân tích cho HS hiểu và nắm được cơ chế của lời nói để HS tạo ra lời nói của mình.

+ *Các* *thao* *tác* *thực* *hiện:* - Giới thiệu mẫu

- Phân tích mẫu

- HS mô phỏng mẫu, tạo ra lời nói của mình - Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm

**PPDH** **Tiếng** **Việt**

NỘI DUNG

**3.3.** **Phương** **pháp** **giao** **tiếp**

*+* *Định* *nghĩa*: là phương pháp hướng dẫn HS vận dụng lý thuyết đã học vào thực hiện các nhiệm vụ cụ thể bằng tiếng Việt.

*+* *Các* *thao* *tác* *thực* *hiện:*

- Tạo tình huống, kích thích nhu cầu giao tiếp của HS - HDHS định hướng giao tiếp

- HS vận dụng các phương tiện ngôn ngữ để tạo ra lời nói cụ thể - Đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm

**Bài** **tập**: 1) Ra 01 đề bài tập làm văn đáp ứng quan điểm giao tiếp và định hướng giao tiếp cho HS.

2) Vai trò của bài tập và phương pháp định hướng các bước thực hiện bài tập.

**P** **P** **DH** **Tiếng** **Việt**

**ĐIỂM** **KHÁC** **VỚI** **MỤC** **TIÊU** **CHƯƠNG** **TRÌNH** **NGỮ** **VĂN** **HIỆN** **HÀNH**

**1.** **Cách** **trình** **bày** **mục** **tiêu**: trình bày 2 nội dung: phẩm chất và năng lực. Chương trình hiện hành trình bày thành 3 nội dung: kiến thức, kĩ năng, thái độ.

2. **Hệ** **thống** **kiến** **thức** **tiếng** **Việt** **và** **văn** **học** **là** **phương** **tiện** để đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực, trong đó, năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học là 2 năng lực trực tiếp của môn học.

4. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1.YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT CHỦ YẾU VÀ NĂNG LỰC CHUNG

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ

**1.YÊU** **CẦU** **CẦN** **ĐẠT** **VỀ** **PHẨM** **CHẤT** **CHỦ** **YẾU** **VÀ** **NĂNG** **LỰC** **CHUNG**

**Yêu** **cầu** **cần** **đạt** **về** **phẩm** **chất** **chủ** **yếu**: **trực** **tiếp** **hình** **thành** **và** **phát** **triển** **cho** **học** **sinh** **các** **phẩm** **chất** **cao** **đẹp:** ***yêu*** ***nước,*** ***nhân*** ***ái,*** ***chăm*** ***chỉ,*** ***trung*** ***thực,*** ***trách*** ***nhiệm.***

**Yêu** **cầu** **cần** **đạt** **về** **năng** **lực** **chung**: góp phần **hình** **thành,** **phát** **triển** **các** **năng** **lực** **chung**: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**YÊU** **CẦU** **CẦN** **ĐẠT** **VỀ** **NĂNG** **LỰC** **CHUNG**

**Ví** **dụ:**

• *Môn* *Ngữ* *văn* *với* *vấn* *đề* *hình* *thành,* *phát* *triển* *năng* *lực* *giao* *tiếp*: Giúp HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung và các phương tiện giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp; biết tiếp nhận các kiểu văn

bản đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

• *Môn* *Ngữ* *văn* *với* *vấn* *đề* *hình* *thành* *và* *phát* *triển* *năng* *lực* *giải* *quyết* *vấn* *đề*: Biểu hiện ở: [1] khả năng nhận biết, nhận xét, đánh giá văn bản [2] biết thu thập, phân tích làm rõ thông tin, ý tưởng mới [3] biết quan tâm tới các chứng cứ khi

nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng dưới những góc nhìn khác nhau.

• *Môn* *Ngữ* *văn* *với* *vấn* *đề* *hình* *thành* *và* *phát* *triển* *năng* *lực* *tự* *chủ-* *tự* *học:* Qua môn Ngữ văn, HS được rèn luyện để trở thành người học tích cực độc lập, sáng

tạo trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.

**Lưu** **ý:** Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy

học.

**YÊU** **CẦU** **CẦN** **ĐẠT** **VỀ** **NĂNG** **LỰC** **ĐẶC** **THÙ**

1

•Năng lực ngôn ngữ

2 •Năng lực văn học

**YÊU** **CẦU** **CẦN** **ĐẠT** **VỀ** **NĂNG** **LỰC** **NGÔN** **NGỮ** **Ở** **CẤP**

• Đọc Đđúng trôi chảy và diễn cảm văn bản

• Hiểu được nội dung của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

• Yêu cầu về đọc bao gồm kĩ thuật đọc và đọc hiểu.

**TIỂU** **HỌC**

•Từ lớp 1 – 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu đoạn văn ngắn;

•Lớp 4-5, bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn gián.

•Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, đã nghe, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc…

NÓI VÀ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| • tư đ đ đ c n n s  • p d đ n n | Trình bày dễ hiểu các ởng và cảm xúc; bướ  ầu biết dung cử chỉ v iệu bộ khi nói; kể l ược một cách rõ ràn âu chuyện đã đọc, đ ghe; biết chia sẻ, trao đ hững cảm xúc, thái đ  uy nghĩ của mình…  Nghe hiểu với thái đ hù hợp và nắm được n ung cơ bản; nhận bi ược cảm xúc của ngư ói; biết cách phản h hững gì đã nghe. | ý c à ại g ã ổi ộ,  ộ ội ết ời ồi |

**YÊU** **CẦU** **CẦN** **ĐẠT** **VỀ** **NĂNG** **LỰC** **VĂN** **HỌC** **Ở** **CẤP** **TIỂU** **HỌC**

Phân biệt văn bản truyện và thơ; nhận biết được nội dung văn bản và thái độ tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, vần thơ, so sánh, nhân hóa).

Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

• Đối với học sinh lớp 1-2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, vần trong thơ và nhận biết được truyện và thơ.

• Đối với học sinh lớp 3-5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian, địa điểm, một số kiểu vần thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn văn, bài văn kê chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

V. **NỘI** **DUNG** **GIÁO** **DỤC**

**Nội** **dung** **khái** **quát**

**Nội** **dung** **cụ** **thể**

YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ CÁC KĨ NĂNG

ĐỌC VIẾT NÓI & NGHE

Kĩ thuật đọc Kĩ thuật viết Nói

Nghe

Đọc hiểu

Viết đoạn văn, bài văn

Nói nghe tương tác

KĨ NĂNG ĐỌC

• **Kĩ** **thuật** **đọc:** gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kĩ năng đọc thành

tiếng, kĩ năng đọc thầm, đọc lướt, kĩ năng ghi chép trong khi đọc.... • **Đọc** **hiểu**:

(1) **Đọc** **hiểu** **nội** **dung**: thể hiện qua chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp…

(2) **Đọc** **hiểu** **hình** **thức**: thể hiện qua đặc điểm các kiểu văn bản và thể loại, các thành tố của mỗi kiểu văn bản và thể loại (câu chuyện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn, vần thơ, nhịp thơ, lí lẽ, bằng chứng,...), ngôn ngữ biểu đạt.

KĨ NĂNG VIẾT

(1) **Kĩ** **thuật** **viết**: tư thế viết, kĩ năng viết chữ và viết chính tả, kĩ năng trình bày bài viết,...

(2) **Viết** **câu,** **đoạn,** **văn** **bản**: các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản.

KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

(1) **Kĩ** **năng** **nói**: chú trọng khả năng diễn đạt rõ ràng, tự tin và tôn trọng người nghe.

(2) **Kĩ** **năng** **nghe**: chú trọng khả năng hiểu đúng và tôn trọng người nói.

(3) **Kĩ** **năng** **nói** **và** **nghe** **có** **tính** **tương** **tác**: chú trọng thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận.

**KIẾN** **THỨC**

1 •Kiến thức tiếng Việt

2 •Kiến thức văn học

KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HỌC CẤP TIỂU HỌC

• **Kiến** **thức** **tiếng** **Việt** **cấp** **tiểu** **học**: một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu); có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

• **Kiến** **thức** **văn** **học** **cấp** **tiểu** **học**: một số hiểu biết sơ giản về truyện và thơ, văn bản hư cấu và văn bản phi hư cấu; nhân vật trong văn bản văn học, cốt truyện, thời gian, không gian, từ ngữ, vần thơ, nhịp thơ, hình ảnh, lời nhân vật, đối thoại.

**NGỮ** **LIỆU**

VĂN BẢN THÔNG TIN

VĂN BẢN VĂN HỌC

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN (THCS,THPT)

NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

**1.Yêu** **cầu** **cần** **đạt** **2**. N**ội** **dung**

- **Kĩ** **năng** **đọc:** - Kiến thức tiếng Việt

✓kĩ thuật đọc

✓đọc hiểu (nội dung; hình thức; so

sánh, kết nối; đọc mở rộng)

- Kiến thức văn học - Ngữ liệu

- **Kĩ** **năng** **viết:** ✓Kĩ thuật viết

✓Viết đoạn văn, bài văn - **Kĩ** **năng** **nói** **và** **nghe**: ✓Nói

✓Nghe

✓Nói nghe tương tác.

**NỘI** **DUNG** **GIÁO** **DỤC** **CỤ** **THỂ**

**Yêu** **cầu** **cần** **đạt**

**Nội** **dung**

Lớp 1 Lớp 1

Lớp … Lớp …

Lớp 12 Lớp 12

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Định hướng chung

Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung

Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển các năng lực đặc thù

**Định** **hướng** **chung** **về** **phương** **pháp** **giáo** **dục**

**Định** **hướng** **chung:**

Áp dụng các PP tích cực hoá hoạt động của HS

**Các** **loại** **hoạt** **động** **của** **HS:**

Khám phá, thực hành, vận dụng

**Các** **hình** **thức** **tổ** **chức** **hoạt** **động:**

- Trong/ngoài khuôn viên nhà trường

- Học lý thuyết, làm bài tập/dự án, trò chơi, thảo luận, tham quan, cắm trại, đọc sách, SH tập thể, HĐ phục vụ cộng đồng

- Làm việc độc lập, theo nhóm, theo lớp

**Định** **hướng** **về** **phương** **pháp** **giáo** **dục**

Hỗ trợ, cố vấn, đánh giá

Tự đánh giá, tự điều chỉnh

**ĐỊNH** **HƯỚNG** **CHUNG** **VỀ** **PHƯƠNG** **PHÁP** **GIÁO** **DỤC**

• Dạy học tích hợp và phân hóa

• Đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

• Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh.

**ĐỊNH** **HƯỚNG** **CHUNG** **VỀ** **PHƯƠNG** **PHÁP** **GIÁO** **DỤC**

•

1

Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kĩ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng học sinh ở tất cả các cấp và phân hóa góp phần định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

•

2

•

3

Rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương tiện cho học sinh.

Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để học sinh biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

**ĐỊNH** **HƯỚNGVỀ** **PHƯƠNG** **PHÁP** **HÌNH** **THÀNH,** **PHÁT** **TRIỂN** **PHẨM** **CHẤT** **VÀ** **NĂNG** **LỰC** **CHUNG**

❖GV sử dụng các PP tạo điều kiện cho HS tham gia trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển các phẩm chất. Ví dụ, giáo viên có thể bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu tổ quốc bằng cách tổ chức cho HS tham quan, tìm hiểu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của địa phương, v.v. hoặc rèn luyện tinh thần trách nhiệm bằng cách tổ chức các hoạt động làm việc theo nhóm, v.v.

❖GV sử dụng đa dạng các PP dạy học phù hợp để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác. Ví dụ: các pp làm việc theo nhóm, cần trao đổi thảo luận, tìm kiếm thông tin, lập kế hoạch, … để giải quyết vấn đề.